

MÔI TRƯỜNG - SINH THÁI**BỔ SUNG THÀNH PHẦN LOÀI ĐỘNG VẬT ĐÁY Ở HỆ ĐẦM PHÁ TAM GIANG-CẦU HAI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Võ Văn Phú, Hoàng Đình Trung, Lê Minh Thái*

1. Đặt vấn đề

Động vật đáy (Zoobenthos) có đời sống liên quan đến nền đáy. Tùy theo tập tính sinh học, đặc điểm sinh học của nhóm loài mà chúng có các phương thức sống như: sống bám trên giá thể tự nhiên trong thủy vực, đào hang dưới lớp trầm tích đáy hoặc kiếm ăn trên nền đáy. Động vật đáy có ảnh hưởng ít nhiều tới đời sống các thủy sinh vật khác, qua đó cũng ảnh hưởng gián tiếp đến đời sống của con người. Ngoài ra, động vật đáy còn được biết tới như là một nhóm chỉ thị sinh học (Bio indicator) tối ưu trong công tác giám sát, quan trắc chất lượng nước mặt thông qua sự có mặt hay vắng mặt của chúng ở thủy vực nghiên cứu.

Trong các nhóm động vật đáy, nhóm giun Nhiều tơ (Polychaeta) thuộc ngành Giun đốt (Annelida) có giá trị dinh dưỡng cao nên là nguồn thức ăn quan trọng của các loài tôm, cua, cá và hải sản nói chung trong các vùng nước lợ ven bờ. Giáp xác (Crustacea), Thân mềm (Mollusca) có ý nghĩa rất lớn về mặt sinh thái và đời sống con người. Chúng là thành phần thức ăn quan trọng của nhiều loài cá có giá trị kinh tế cao và đối tượng khai thác quan trọng. Ngoài ra, các loài Giáp xác, Thân mềm còn là những đối tượng nuôi trồng và là nguồn thủy sản có giá trị thương phẩm cao.

Hệ đầm phá nước lợ Tam Giang-Cầu Hai (TGCH) nằm ở tọa độ khoảng 16°14' - 16°42' độ vĩ bắc và 107°22' - 107°57' độ kinh đông, kéo dài trên 68km theo bờ biển Thừa Thiên Huế với diện tích hơn 22.000ha. Hệ đầm phá này lớn nhất Đông Nam Á, tiêu biểu cho hệ thống đầm phá ở Việt Nam, đặc trưng cho vùng nhiệt đới gió mùa. Quá trình bào mòn, rửa trôi muối khoáng từ các hệ sinh thái trên cạn, thủy vực nước ngọt nội địa sẽ được lưu chuyển ra đầm phá, nơi giao lưu trao đổi nước với hệ sinh thái biển, tạo nên vùng đa sinh thái, nguồn thức ăn dồi dào cho khu hệ động-thực vật thủy sinh ở đây. Vì thế, đầm phá là nơi cung cấp nguồn lợi rất lớn từ khai thác và nuôi trồng thủy sản, góp phần nâng cao đời sống của dân cư trong vùng đầm phá. Trong những năm gần đây, đầm phá TGCH đang ở trong tình trạng bị khai thác quá mức dẫn đến nguồn lợi ngày càng suy giảm, môi trường sinh thái ngày càng suy thoái, ô nhiễm môi trường đã làm thay đổi tính đa dạng sinh học của đầm phá, qua đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của hệ thủy sinh vật cũng như sinh kế của cộng đồng.

* Trường Đại học Khoa học Huế.

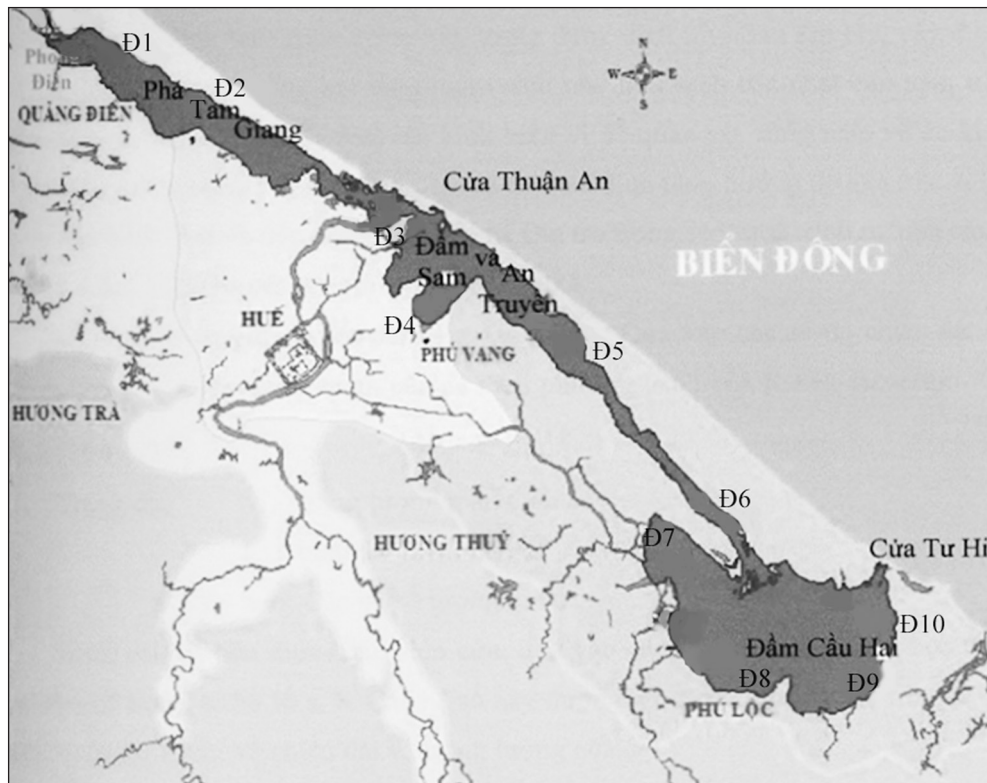
Trong bài viết ngắn này, chúng tôi công bố kết quả bổ sung thành thành phần loài động vật đáy ở đầm phá TGCH, được thu thập trong hai năm 2008 và 2009, nhằm góp phần hoàn thiện đầy đủ danh lục thành phần động vật đáy của toàn hệ đầm phá.

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành thu mẫu liên tục trong 2 năm 2008 và 2009. Mỗi tháng chúng tôi tiến hành thu mẫu 2 lần vào giữa tháng và cuối tháng, sau đó đưa về phòng thí nghiệm Tài nguyên-Môi trường, Khoa Sinh học, Trường ĐHKH Huế để tiến hành phân tích mẫu. Trên toàn bộ đầm phá chọn 10 điểm tiêu biểu, đại diện cho các lát cắt để lấy mẫu, ký hiệu từ Đ₁ đến Đ₁₀ (bảng 1)

Bảng 1. Các điểm thu thập mẫu vật nghiên cứu

Vùng đầm Cầu Hai		Vùng đầm Sam và An Truyền		Vùng phá Tam Giang	
Điểm thu	Vị trí	Điểm thu	Vị trí	Điểm thu	Vị trí
Đ1	Xã Quảng Lợi	Đ5	Xã Phú Diên	Đ9	Xã Lộc Bình
Đ2	Xã Quảng Phước	Đ6	Xã Vinh An	Đ10	Xã Vinh Hiền
Đ3	Thị trấn Thuận An	Đ7	Xã Vinh Hà		
Đ4	Xã Phú Thuận	Đ8	Xã Lộc An		



Hình 1. Sơ đồ địa điểm nghiên cứu ở đầm phá Tam Giang-Cầu Hai

+ Sử dụng gàu đáy Petersen, diện tích 0,025m², để thu mẫu các loài động vật đáy có kích thước nhỏ sống trên nền đáy mà không thể thu mẫu bằng các dụng cụ thông thường. Ngoài ra để thu mẫu được đầy đủ hơn, chúng tôi gởi các bình có pha sẵn hóa chất định hình formol 4% để nhờ các hộ dân cư khai thác thủy sản trên đầm phá thu thập thường xuyên trong thời gian nghiên cứu. Sau đó chúng tôi thu góp mẫu vật tại ngư dân với 2 tuần/lần hoặc trực tiếp thu mua mẫu ở các khu vực nghiên cứu hoặc ở các chợ quanh khu vực nghiên cứu.

+ Mẫu được xử lý ngay khi đang còn tươi, định hình ngay trong dung dịch formol 4%, có kèm theo nhãn, ghi rõ tên gọi Việt Nam, tên địa phương, thời gian và địa điểm thu mẫu.

+ Tiến hành định loại bằng phương pháp so sánh hình thái theo các khóa định loại lưỡng phân là: *Định loại động vật không xương sống (ĐVKXS) nước ngọt Bắc Việt Nam* của Đặng Ngọc Thanh, Thái Trần Bái, Phạm Văn Miên (1980); *Định loại các nhóm ĐVKXS nước ngọt thường gặp ở Việt Nam* của Nguyễn Xuân Quỳnh (2001); *Động vật chí Việt Nam*, phần Giáp xác nước ngọt, Tập 5; *The non-marine aquatic Mollusca of Thailand* của Rolf A. M. Brandt (1974). Chúng tôi sử dụng các tài liệu trên để phân loại từ bộ, họ, tới loài theo khóa định loại lưỡng phân. Mẫu sau khi định loại, được lưu giữ ở phòng thí nghiệm Tài nguyên-Môi trường, Khoa Sinh, Trường Đại học Khoa học Huế.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cấu trúc thành phần loài động vật đáy (Zoobenthos) ở đầm phá TGCH, tỉnh Thừa Thiên Huế

Qua kết quả nghiên cứu và phân tích định loại, đã xác định được 76 loài động vật đáy ở đầm phá TGCH thuộc 57 giống, 37 họ, 5 bộ, 5 lớp thuộc 3 ngành: Giun đốt (Annelida), Chân khớp (Arthropoda) và Thân mềm (Mollusca).

Cấu trúc thành phần loài động vật đáy ở đầm phá TGCH chủ yếu tập trung ở 3 nhóm: Giun Nhiều tơ (Polychaeta), Giáp xác (Crustacea) và Thân mềm (Mollusca). Trong thành phần loài động vật đáy ở đầm phá TGCH, nhóm Thân mềm (Mollusca) có số lượng loài cao nhất với 27 loài (chiếm 35,52% tổng số loài), tiếp đến là nhóm Giáp xác (Crustacea) với 26 loài (chiếm 34,21%) và cuối cùng là nhóm giun Nhiều tơ (Polychaeta) có số lượng loài thấp nhất với 23 loài (chiếm 30,27%) của khu hệ động vật đáy đầm phá.

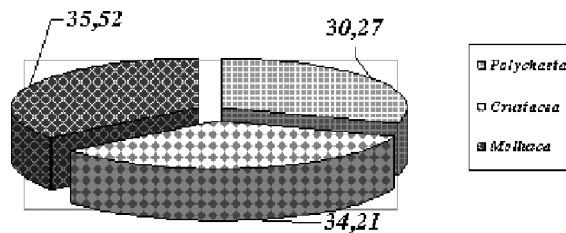
Bảng 2. Cấu trúc khu hệ động vật đáy ở phá TGCH

Nhóm động vật	Số họ	Số giống	Số loài	Tỷ lệ % số loài
Giun Nhiều tơ (Polychaeta)	10	18	23	30,27
Giáp xác (Crustacea)	14	19	26	34,21
Thân mềm (Mollusca)	13	20	27	35,52
Tổng cộng	37	57	76	100

Bảng 3. Cấu trúc các bậc taxon của hệ động vật đáy ở đầm phá TGCH

STT	Họ	Giống		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Chrysopetalidae	1	1,75	1	1,31
2	Eunicidae	5	8,77	5	6,57
3	Glyceridae	1	1,75	1	1,31
4	Hesionidae	1	1,75	1	1,31
5	Nephthydidae	1	1,75	3	3,94
6	Nereidae	4	7,01	7	9,21
7	Opheliidae	1	1,75	1	1,31
8	Sabellidae	1	1,75	1	1,31
9	Spionidae	2	3,50	2	2,63
10	Terebellidae	1	1,75	1	1,31
11	Corbiculidae	2	3,50	4	5,26
12	Mactridae	1	1,75	1	1,31
13	Mytilidae	3	5,26	3	3,94
14	Ostreidae	1	1,75	4	5,26
15	Psammobiidae	1	1,75	1	1,31
16	Solennidae	1	1,75	1	1,31
17	Unionidae	1	1,75	1	1,31
18	Veneridae	3	5,26	4	5,26
19	Arcidae	1	1,75	2	2,63
20	Neritidae	1	1,75	1	1,31
21	Potamididae	2	3,50	2	2,63
22	Thiaridae	1	1,75	1	1,31
23	Ampullariidae	2	3,50	2	2,63
24	Corophiidae	3	5,26	4	5,26
25	Gammaridae	1	1,75	1	1,31
26	Haustoriidae	1	1,75	1	1,31
27	Ischyroceridae	1	1,75	1	1,31
28	Bodotriidae	1	1,75	1	1,31
29	Potamidae	1	1,75	1	1,31
30	Portunidae	2	3,50	5	6,57
31	Grapsidae	1	1,75	1	1,31
32	Penaeidae	2	3,50	5	6,57
33	Alpheidae	1	1,75	1	1,31
34	Palaemonidae	2	3,50	2	2,63
35	Anthuridae	1	1,75	1	1,31
36	Corallanidae	1	1,75	1	1,31
37	Apseudidae	1	1,75	1	1,75
	Tổng số	57	100,00	76	100,00

3.2. Danh lục thành phần loài động vật đáy (Zoobenthos) bở



Hình 2. Biểu đồ tỷ lệ (%) thành phần loài các nhóm động vật đáy ở đầm phá Tam Giang-Cầu Hai.

sung mới cho đầm phá TGCH, tỉnh Thừa Thiên Huế

Với kết quả nghiên cứu của chúng tôi khi đối chiếu với kết quả trước đây [Nguyễn Văn Huệ, Lê Công Tuấn, 2007] [2], đã phát hiện thêm 22 loài mới (chiếm 28,94% tổng số loài) bổ sung cho khu hệ động vật đáy ở đầm phá TGCH. Ngoài 22 taxon bậc loài còn có 13 taxon bậc giống (chiếm 22,86% tổng số giống), 7 taxon bậc họ (chiếm 18,92% tổng số họ) là họ Tôm he (Penaeidae), họ Tôm gỗ mỗ (Alpheidae), họ Tôm càng (Palaemonidae), họ Cua bơi (Portunidae), họ Cua đồng (Grapsidae), họ Arcidae, họ Ốc nhồi (Ampullariidae) được ghi nhận là mới cho khu hệ đầm phá TGCH.

Trong thành phần loài động vật đáy bổ sung cho vùng nghiên cứu, chủ yếu tập trung ở ngành Chân khớp (Arthropoda), lớp Giáp xác (Crustacea), bộ Mười chân (Decapoda) với 13 loài (chiếm 59,09% tổng số loài) bổ sung mới. Ngành Thân mềm (Mollusca) có 9 loài được ghi nhận mới cho danh lục thành phần loài động vật đáy ở đầm phá TGCH, trong đó lớp Hai mảnh vỏ (Bivalvia) có 6 loài (chiếm 27,27%) và lớp Chân bụng (Gastropoda) có 3 loài (chiếm 13,64%) trong tổng số loài mới.

Bảng 4. Danh lục các họ, giống, loài bổ sung mới cho khu hệ động vật đáy ở đầm phá TGCH.

STT	Tên loài	Tên Việt Nam
(1)	(2)	(3)
NGÀNH CHÂN KHỚP - ARTHROPODA		
LỚP GIÁP XÁC - CRUSTACEA		
BỘ MƯỜI CHÂN - DECAPODA		
I	Họ Penaeidae	Họ Tôm he
(1)	Giống Tôm he Penaeus	
1	<i>Penaeus monodon</i> Fabricius, 1798	Tôm sú
2	<i>P. merguensis</i> de Haan, 1888	Tôm thẻ /Tôm bạc
3	<i>P. semisulcatus</i> (De Haan, 1850)	Tôm rần
(2)	Giống Tôm rảo Metapenaeus	
4	<i>Metapenaeus ensis</i> (De Haan, 1850)	Tôm rảo đất
II	Họ Tôm gỗ mỗ Alpheidae	
(3)	Giống Alpheus	
5	<i>Alpheus</i> spp.	Tôm gỗ mỗ
III	Họ Tôm càng - Palaemonidae	
(4)	Giống Macrobrachium	
6	<i>Macrobrachium nipponense</i> (De Haan, 1849)	Tôm càng
7	<i>Palaemonetes tonkinensis</i> (Sollaud, 1914)	Tôm gạo
(1)	(2)	(3)

IV	Họ Portunidae	Họ Cua bơi
(5)	Giống Portunus	
8	<i>Portunus pelagius</i> (Linnaeus, 1766)	Ghẹ xanh
9	<i>P. sanguinolentus</i> (Herbst, 1796)	Ghẹ 3 chấm
10	<i>P. trituberculatus</i> (Myer, 1876)	Ghẹ đốm
(6)	Giống Scylla	
11	<i>Scylla serrata</i> (Forsskal, 1775).	Cua xanh
12	<i>Scylla paramamosain</i> (Estampador, 1949)	Cua bùn
V	Họ Grapsidae	Họ Cua đồng
(7)	Giống Varuna	
13	<i>Varuna litterata</i> (Fabricius, 1798)	Rạm bè
NGÀNH THÂN MỀM - MOLLUSCA		
LỚP HAI MẢNH VỎ - BIVALVIA		
VI **	Họ Corbiculidae	Họ Hến
(8)**	Giống Corbicula	
14	<i>Corbicula subsulcata</i> Clessin	Tria
VII**	Họ Mytilidae	Họ Vẹm
(9)	Giống Perna	
15	<i>Perna viridis</i> (Linnaeus, 1758)	Vẹm xanh
VIII**	Họ Veneridae	
(10)**	Giống Meretrix	
16	<i>Meretrix lyrata</i>	Nghiêu
(11)	Giống Paphia	
17	<i>Paphia undulata</i> (Born, 1778)	Nghiêu lưa
IX	Họ Arcidae	
(12)	Giống Anadara	
18	<i>Anadara granosa</i> (Linnaeus, 1758)	Sò huyết
19	<i>A. subcrenata</i> (Lischke, 1869)	Sò lông
LỚP CHÂN BỤNG - GASTROPODA		
X**	Họ Potamididae	
(13)	Giống Cerithidea	
20	<i>Cerithidea sinensis</i> (Gmelin)	Ốc mút
XI	Họ Ampullariidae	Họ Ốc nhồi
(14)	Giống Pomacea	
21	<i>Pomacea canaliculata</i> (Lamarck, 1822)	Ốc bươu vàng
(15)	Giống Pila	
22	<i>Pila polita</i> (Deshayes, 1830)	Ốc nhồi

Ghi chú: ** Các họ và giống không bổ sung

3.3. Một số loài động vật đáy có giá trị kinh tế

Các loài động vật đáy ở đầm phá TGCH có ý nghĩa rất lớn về mặt sinh thái, tạo sự cân bằng sinh học trong thủy vực thông qua mối quan hệ dinh dưỡng ở chuỗi thức ăn và lưới thức ăn, mặt khác một số loài còn có giá trị về kinh tế quan trọng. Các loài thuộc nhóm Giáp xác (Crustaceae) có kích thước lớn được khai thác làm thực phẩm. Trong số giáp xác được dùng làm thực phẩm có giá trị kinh tế cao của nhân dân địa phương quanh vùng đầm phá phải kể tới các đại diện: Tôm sú (*Penaeus monodon* Fabricius, 1798), Tôm thẻ (*Penaeus merguensis* de Haan, 1888), Tôm rảo đất (*Metapenaeus ensis* De Haan, 1850)... Bên cạnh đó còn có Cua xanh (*Scylla serrata* Forsskal,

1775), Ghẹ xanh (*Portunus Pelagius* Linnaeus, 1766), Ghẹ 3 chấm (*Portunus sanguinolentus* Herbst, 1796), Ghẹ đốm (*Portunus trituberculatus* Myer, 1876)... hàng năm cũng cho sản lượng khai thác cao.

Ngoài các loài Giáp xác (Crustacea), Thân mềm hai mảnh vỏ (Bivalvia) như Vẹm xanh (*Perna viridis* Linnaeus, 1758), Sò huyết (*Anadara granosa* Linnaeus, 1758), Sò lông (*Anadara subcrenata* Lischke, 1869)... có giá trị thực phẩm cao được chú trọng khai thác thì các loài trai ốc, hến cũng được người dân thường xuyên sử dụng làm thức ăn như Hến (*Corbicula bocourti*, *C. baudoni*), Ốc nhồi (*Pila polita* Deshayes, 1830), Ốc bươu vàng (*Pomacea canaliculata* Lamarck, 1822)... Đây là nguồn thực phẩm quan trọng cung cấp protein trong đời sống dinh dưỡng hàng ngày của cộng đồng cư dân quanh vùng đầm phá.

Bảng 5. Một số loài động vật đáy có giá trị kinh tế cao ở đầm phá TGCH.

Stt	Tên loài	Vùng phân bố	Giá trị
	Giáp xác mười chân (Decapoda)	Rộng	Thực phẩm, xuất khẩu
1	Cua xanh (<i>Scylla serrata</i>)		
2	Ghẹ hoa (<i>Portunus pelagicus</i>)	Cửa Thuận An, cửa Tư Hiền, Thủy Tú	Thực phẩm
3	Ghẹ 3 chấm (<i>P. sanguinolentus</i>)	Cửa Thuận An, cửa Tư Hiền, Thủy Tú	Thực phẩm
4	Tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Rộng	Thực phẩm, xuất khẩu
5	Tôm bạc (<i>P. merguensis</i>)	Rộng	Thực phẩm, xuất khẩu
6	Tôm rần (<i>P. semisulcatus</i>)	Rộng	Thực phẩm, xuất khẩu
7	Tôm đất (<i>Metapenaeus ensis</i>)	Rộng	Thực phẩm
	Hai mảnh vỏ (Bivalvia)	Khu vực Thuận An, Hòa Duân, An Xuân	Thực phẩm
8	Trìa mõ (<i>Meretrix meretrix</i>)		
9	Trìa Tam Giang (<i>Corbicula sp</i>)	Cửa sông Ô Lâu, sông Truồi	Thực phẩm
10	Vẹm xanh (<i>Perna viridis</i>)	Cửa Thuận An, cửa Tư Hiền	Thực phẩm

4. Kết luận và đề nghị

4.1. Kết luận

- Đã bổ sung mới 22 loài (chiếm 28,94% tổng số loài), 13 giống (chiếm 22,86% tổng số giống), 7 họ (chiếm 18,92% tổng số họ) cho khu hệ động vật đáy ở phá TGCH. Trong đó, nhóm Giáp xác (Crustacea) có 5 họ, 8 giống và 13 loài (chiếm 59,09% tổng số loài) mới bổ sung cho khu hệ; nhóm Thân mềm (Mollusca) có 2 họ, 6 giống và 9 loài (chiếm 40,91% tổng số loài) mới bổ sung cho đầm phá TGCH.

- Hệ đầm phá TGCH có giá trị lớn về sinh thái, kinh tế và xã hội, đóng vai trò quan trọng trong sinh kế của nhiều cộng đồng cư dân quanh đầm phá và trong chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, trong những năm qua, việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đầm phá còn những bất cập, việc khai thác thủy sản theo hướng tận thu, tận diệt,

môi trường đầm phá bị ô nhiễm đã làm suy giảm tính đa dạng sinh học và cạn kiệt nguồn tài nguyên sinh vật của đầm phá.

4.2. Đề nghị

- Cần có những nghiên cứu về sự biến động số lượng loài và sản lượng động vật đáy ở TGCH theo thời gian, không gian trong năm để có những chiến lược khai thác, sử dụng bền vững nguồn lợi đầm phá.

- Cần nghiên cứu các đặc điểm sinh thái, sinh học một số loài động vật đáy có giá trị kinh tế để nuôi thả góp phần phát triển kinh tế khu vực quanh vùng đầm phá.

V V P - H Ñ T - L M T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Chung, Đặng Ngọc Thanh, Phạm Văn Dự, *Tôm Biển. Động vật chí Việt Nam*. Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia-Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2000.
2. Nguyễn Văn Huệ, Lê Công Tuấn. "Nghiên cứu thành phần loài động vật đáy (Zoobenthos) ở khu hệ đầm phá Tam Giang-Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế". Tạp chí *Khoa học*, Đại học Huế, số 39, 2007.
3. Nguyễn Xuân Quỳnh. *Định loại các nhóm động vật không xương sống nước ngọt thường gặp ở Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.
4. Đặng Ngọc Thanh, Thái Trần Bái, Phạm Văn Miên. *Định loại động vật không xương sống nước ngọt Bắc Việt Nam*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1980.
5. Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải. *Động vật chí Việt Nam*, phần Giáp xác nước ngọt - tập 5, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2001.
6. Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải, Dương Ngọc Cường, "Thành phần loài họ Ốc nhồi - *Ampullaridae* Gray, 1824 ở Việt Nam". Tạp chí *Sinh học*, Hà Nội, tập 25, số 4, 2003.
7. Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải, Dương Ngọc Cường, "Họ Ốc vụn (*Viviparidae* - *Gastropoda*) ở Việt Nam". Tạp chí *Sinh học*, tập 26, số 2, Hà Nội, 2004.
8. Rolf A. M. Brandt. *The non - marine aquatic Mollusca of Thailand*, 1974.

TÓM TẮT

Đầm phá Tam Giang-Cầu Hai thuộc vào hệ đầm phá lớn nhất ở Đông Nam Á, tiêu biểu cho hệ thống đầm phá ở Việt Nam, đặc trưng cho vùng nhiệt đới gió mùa. Hệ là vùng có giá trị nhiều mặt về kinh tế - xã hội, lịch sử - văn hoá, đặc biệt về sinh thái và môi trường. Chúng tôi đã tiến hành thu thập, phân tích mẫu vật liên tục trong hai năm 2008 và 2009, định loại được 76 loài thuộc 57 giống, 37 họ và 5 bộ động vật đáy (Zoobenthos) của hệ đầm phá Tam Giang-Cầu Hai. Trong thành phần loài động vật đáy ở đầm phá Tam Giang-Cầu Hai, nhóm Thân mềm (Mollusca) có số lượng loài cao nhất với 27 loài (chiếm 35,52% tổng số loài), tiếp đến là nhóm Giáp xác (Crustacea) với 26 loài (chiếm 34,21%) và cuối cùng là nhóm giun Nhiều tơ (Polychaeta) có số lượng loài thấp nhất với 23 loài (chiếm 30,27 %) của khu hệ động vật đáy đầm phá. Đã phát hiện thêm 22 loài mới bổ sung cho khu hệ động vật đáy ở vùng nghiên cứu.

ABSTRACT

SUPPLEMENTARY DATA ON ZOOBENTHOS IN TAM GIANG-CẦU HAI LAGOON, THỪA THIÊN HUẾ PROVINCE

Base on the analysis of the composition of zoobenthic samples collected in Tam Giang-Cầu Hai lagoon, Thừa Thiên Huế province from 2008 to 2009; 76 species zoobenthic are identified. The results showed that a total of zoobenthic belonging 57 genus, 37 families and 5 orders. From them, the Mollusca were the most abundant with 27 species and occupied 35,52%. Specially, among the determined taxa, 22 species, 13 genera and 7 families were new record to the Tam Giang-Cầu Hai lagoon, Thừa Thiên Huế province.